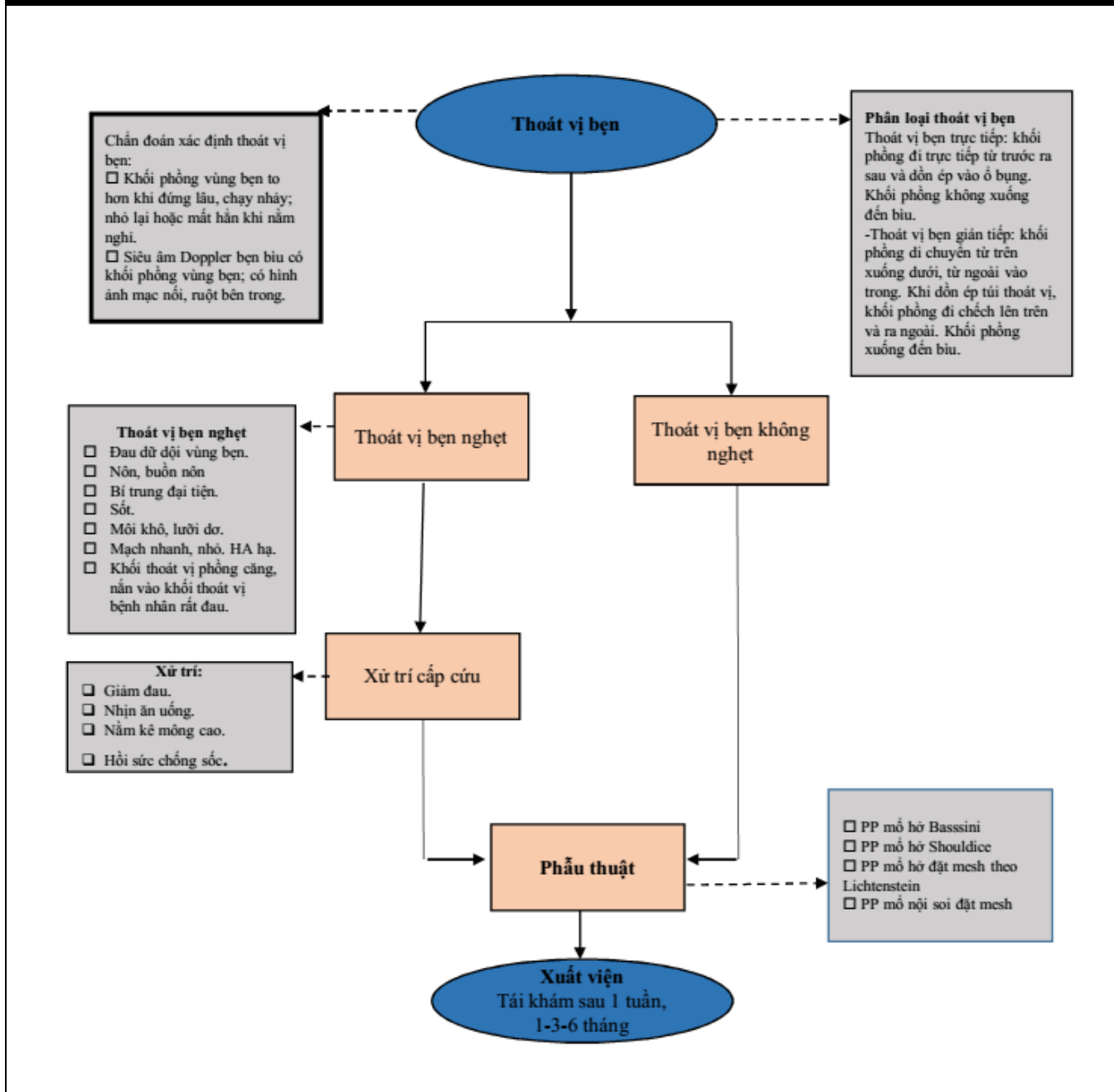


<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <span style="font-size: 20px;">Logo</span> </div> <p style="text-align: center; font-weight: bold; margin-top: 10px;"> <b>QUY TRÌNH CHUYÊN MÔN KCB THOÁT VỊ BỆN</b> </p>	Họ và tên BN: ..... Ngày sinh: ..... Giới: ..... Địa chỉ: ..... Số phòng: ..... Số giường: ..... Mã BN/Số HSBA: .....
---	---

*Lưu ý: Đánh dấu sự lựa chọn (“✓” : có/ “X” : không) vào ô . Khoang tròn  nếu lựa chọn nội dung; (X) xem thêm chi tiết nội dung trong phụ lục x tương ứng.*

1. ĐÁNH GIÁ TRƯỚC KHI VÀO QUY TRÌNH		
<b>Tiêu chuẩn đưa vào:</b>	<input type="checkbox"/> Khối phòng vùng bẹn có từ lúc nhỏ <input type="checkbox"/> Khối phòng vùng bẹn mới xuất hiện gần đây sau khi ăn no, rặn mạnh hay làm việc nặng	<input type="checkbox"/> Khối phòng vùng bẹn to hơn khi đứng lâu, chạy nhảy; nhỏ lại hoặc mất hẳn khi nằm nghỉ
<b>Tiêu chuẩn loại ra:</b>	<input type="checkbox"/> Khối phòng nằm dưới đường Malgel (đường nối gai chậu trước trên và gai mu) = Thoát vị đùi	<input type="checkbox"/> Bệnh lý nội khoa chưa điều trị ổn định, chống chỉ định phẫu thuật
<b>Tiền sử</b>	<input type="checkbox"/> Tiền sử dị ứng	Ghi rõ:.....

**2. QUY TRÌNH CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ**



<b>3. NGUYÊN TẮC CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ</b>							
<b>Nguyên tắc điều trị</b>							
1. Tư vấn, giải thích cho bệnh nhân							
2. Phẫu thuật.							
3. Dùng kháng sinh sau mổ							
4. Theo dõi, phòng tránh tái phát.							
<b>4. XỬ TRÍ CẤP CỨU NGOẠI KHOA</b> ■ Có      ■ Không							
<b>Dấu hiệu</b>					<b>Xử trí</b>		
<b>Triệu chứng cơ năng</b>	<b>Triệu chứng toàn thân</b>	<b>Triệu chứng thực thể</b>			<input type="checkbox"/> Giảm đau <input type="checkbox"/> Nhịn ăn uống		
<input type="checkbox"/> Đau dữ dội vùng bẹn <input type="checkbox"/> Nôn, buồn nôn <input type="checkbox"/> Bí trung đại tiện	<input type="checkbox"/> Sốt <input type="checkbox"/> Môi khô, lưỡi đỏ <input type="checkbox"/> Mạch nhanh, nhỏ <input type="checkbox"/> HA hạ	<input type="checkbox"/> Khó thoát vị phồng căng, khó bóp nhỏ, không thay đổi thể tích khi ho rặn mạnh <input type="checkbox"/> Nấn vào khối thoát vị bệnh nhân rất đau					
<b>5. CHẨN ĐOÁN VÀ PHÂN LOẠI</b>							
<b>Thoát vị bẹn trực tiếp</b>			<b>Thoát vị bẹn gián tiếp</b>				
<input type="checkbox"/> Khi dồn ép túi thoát vị, khối phồng đi trực tiếp từ trước ra sau vào ổ bụng <input type="checkbox"/> Khối phồng không xuống đến bìu			<input type="checkbox"/> Khi bệnh nhân ho mạnh, khối phồng di chuyển từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong. Khi dồn ép túi thoát vị, khối phồng đi chéch lên trên và ra ngoài <input type="checkbox"/> Khối phồng xuống đến bìu				
<b>DIỄN TIẾN BỆNH VÀ XỬ TRÍ TRƯỚC PHẪU THUẬT</b>							
<b>DẤU HIỆU</b>			<b>N1</b>	<b>N2</b>	<b>N3</b>	<b>.....</b>	<b>Nn</b>
<b>Lâm sàng</b>	Dấu hiệu sinh tồn	Huyết áp					
		Mạch					
		Nhiệt độ					
	Khối phồng vùng bẹn		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Đau vùng bẹn		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Triệu chứng khác		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<b>Cận lâm sàng</b>	Siêu âm tổng quát		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Siêu âm Doppler khảo sát mạch máu, cơ, phần mềm, các tuyến, bẹn bìu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Nước tiểu 10 thông số		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm tự động		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	PT, TQ		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	APTT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Nhóm máu ABO, RhD		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	GOT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	GPT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Glucose máu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Protein máu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Ure máu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Creatinine máu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Điện giải đồ		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	HBsAg		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	AntiHCV		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	EV test		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	ECG		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Xquang tim phổi thẳng		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<b>Điều trị</b>	Theo phác đồ A						
<b>Chăm sóc</b>	Cấp 3						

6. PHẪU THUẬT		■ Cấp cứu	■ Chương trình
Phương pháp phẫu thuật (Phụ lục C)	<input type="checkbox"/> Phương pháp Bassini <input type="checkbox"/> Phương pháp Lichtenstein	<input type="checkbox"/> Phương pháp Shouldice <input type="checkbox"/> Phương pháp phẫu thuật nội soi (TEP/TAPP)	
Phương pháp gây mê	<input type="checkbox"/> Mê tủy sống và ngoài màn cứng	<input type="checkbox"/> Gây mê toàn thân	
Chẩn đoán sau phẫu thuật	<input type="checkbox"/> Phù hợp	<input type="checkbox"/> Không phù hợp	<input type="checkbox"/> Cụ thể:.....
Tai biến / Biến chứng	<input type="checkbox"/> Chảy máu trong mổ <input type="checkbox"/> Rách, thủng bàng quang <input type="checkbox"/> Khâu vào ruột, thủng ruột <input type="checkbox"/> Tổn thương thần kinh chậu-hạ vị, chậu-bẹn sinh dục đùi gây rối loạn cảm giác vùng bẹn đùi, tê bì	<input type="checkbox"/> Chảy máu vết mổ <input type="checkbox"/> Sung hoặc teo tinh hoàn <input type="checkbox"/> Nhiễm trùng vết mổ <input type="checkbox"/> Khác: .....	
Thời gian phẫu thuật			

#### DIỄN TIẾN BỆNH VÀ XỬ TRÍ TẠI PHÒNG HỒI SỨC NGOẠI

DẤU HIỆU		Giờ	Giờ	Giờ	Giờ	Giờ
Dấu hiệu sinh tồn	Huyết áp					
	Mạch					
	Nhiệt độ					
Khởi phòng vùng bẹn		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đau vùng bẹn		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Triệu chứng khác		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điều trị	Theo phác đồ B					
Chăm sóc	Cấp 1					

#### DIỄN TIẾN BỆNH VÀ XỬ TRÍ SAU PHẪU THUẬT

DẤU HIỆU		Giờ	Giờ	Giờ	Giờ	Giờ
Dấu hiệu sinh tồn	Huyết áp					
	Mạch					
	Nhiệt độ					
Khởi phòng vùng bẹn		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đau vùng bẹn		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Triệu chứng khác		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cận lâm sàng	Công thức máu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	XQ căng chân( thẳng-nghiêng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điều trị	Theo phác đồ C					
Chăm sóc	Cấp 3					

#### 7. XUẤT VIỆN

Tiêu chuẩn xuất viện	<input type="checkbox"/> Vết mổ khô, giảm đau <input type="checkbox"/> Bệnh nhân tự đi lại, sinh hoạt cá nhân	<input type="checkbox"/> Không sốt <input type="checkbox"/> Khác: .....
Tình trạng xuất viện	<input type="checkbox"/> Khỏi bệnh <input type="checkbox"/> Thuyên giảm	<input type="checkbox"/> Tử vong <input type="checkbox"/> Ra khỏi quy trình <input type="checkbox"/> Kết thúc quy trình
Hướng điều trị tiếp theo	<input type="checkbox"/> Cắt chỉ vết mổ <input type="checkbox"/> Uống thuốc theo toa <input type="checkbox"/> Tái khám theo hẹn	<input type="checkbox"/> Chế độ dinh dưỡng Số ngày điều trị: .....

#### 8. QUẢN LÝ VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN

Phòng tránh tái phát	<input type="checkbox"/> Hạn chế làm việc nặng, gắng sức	<input type="checkbox"/> Táo bón	<input type="checkbox"/> Khác:.....
	<input type="checkbox"/> Tiểu khó	<input type="checkbox"/> Ho kéo dài	
<input type="checkbox"/> Hẹn tái khám: ngày.....tháng.....năm.....; Phòng khám số: .....			

**9. PHỤ LỤC****Phụ lục A: Chỉ định phẫu thuật**

Trẻ em	Người lớn	
	Thoát vị nhẹ	Thoát vị thường
Thoát vị bẩm sinh: không nên mổ ngay, chờ 1 năm sau khi sinh	Mổ cấp cứu	Mổ phiên

**Phụ lục B: Phân cấp chăm sóc người bệnh**

- Căn cứ theo điều 2, chương I, chương II của thông tư hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện của Bộ Y tế số 07/2011/TT-BYT;
  - Căn cứ theo tài liệu *Điều dưỡng cơ bản 1*, trang 186 → 188, Nhà xuất bản Y học năm 2008.
- Phân cấp chăm sóc và nội dung theo từng cấp chăm sóc được quy định như sau:

**Phụ lục C****Phương pháp tạo hình thành bẹn Bassini**

- Lựa chọn phương pháp vô cảm: tê tùy sống, mê nội khí quản, mê mash thanh quản, ...
- Tư thế mổ: bệnh nằm ngửa
- Rửa da đường phân giác góc bẹn
- Bóc tách cân cơ tìm túi thoát vị
- Đưa tạng thoát vị vào trong ổ bụng
- Khâu cột cổ túi
- Khâu tạo hình thành sau ống bẹn 3 lớp: cơ chéo trong, cơ ngang bụng và lá trên của mạc ngang vào dây chằng bẹn bằng các mũi khâu rời
- Khâu cân cơ chéo ngoài
- Khâu da
- Băng ép

**Phương pháp tạo hình thành bẹn bằng mảnh ghép nhân tạo**

- Lựa chọn phương pháp vô cảm: tê tùy sống, mê nội khí quản, mê mash thanh quản, ...
- Tư thế mổ: bệnh nằm ngửa
- Rửa da đường phân giác góc bẹn
- Bóc tách cân cơ tìm túi thoát vị
- Đưa tạng thoát vị vào trong ổ bụng
- Khâu cột cổ túi
- Đặt và khâu cố định mảnh ghép vào thành sau ống bẹn bằng những mũi khâu vắt liên tục
- Xê đôi mảnh ghép và khâu lại, ôm sát thủng tinh tại lỗ bẹn sâu
- Khâu cân cơ chéo ngoài
- Khâu da, Băng ép

**Phương pháp tạo hình thành bẹn Shouldice**

- Lựa chọn phương pháp vô cảm: tê tùy sống, mê nội khí quản, mê mash thanh quản, ...
- Tư thế mổ: bệnh nằm ngửa
- Rửa da đường phân giác góc bẹn
- Bóc tách cân cơ tìm túi thoát vị
- Đưa tạng thoát vị vào trong ổ bụng
- Khâu cột cổ túi
- Khâu phục hồi thành bẹn 4 lớp:
- Lớp trong cùng bắt đầu từ củ mu ra lỗ bẹn sâu: khâu dải chậu mu với mặt sau của bao sau cơ thẳng bụng ở trong, mặt dưới của mạc ngang-cân cơ ngang-cơ chéo bụng trong ở ngoài.
- Lớp thứ hai, từ lỗ bẹn sâu vào củ mu: khâu dây chằng bẹn với bờ dưới của cân cơ ngang-cơ chéo bụng trong.
- Lớp thứ ba và tư: khâu cân cơ ngang-cơ chéo bụng trong với mặt trong của vạt dưới cân cơ chéo ngoài, song song và ngay trên dây chằng bẹn.
- Khâu cân cơ chéo ngoài
- Khâu da
- Băng ép

Phác đồ A	Phác đồ B	Phác đồ C
<p>➤ <b>Dịch truyền</b> Lactate Ringer 500ml Natricloride 0,9% 500ml Glucose 5% 500ml</p> <p>➤ <b>Kháng sinh</b> CEPHALOSPORIN Basultam 1g+1g 1lọ TMC x 2 lần/ngày Ceftazidime 2g 1lọ TMC x 2 lần/ngày Suprapime 1g 1lọ TMC x 2 lần/ngày FLUOROQUINOLON Ciprofloxacin 200mg1chai TTM x 2 lần/ngày Levofloxacin 750mg 1chai TTM 1 lần/ngày CARBAPENEM Tienam 0,5+0,5g 1lọ pha NaCl 0,9% TTM x 2 lần/ngày Invanz 1g 1lọ pha NaCl 0,9% TTM 1 lần/ngày Chống vi khuẩn kỵ khí Metronidazole 500mg1chai TTM x 2 lần/ngày</p> <p>➤ <b>PPI</b> Rabeloc 20mg1lọ TMC 1 lần/ngày Faditac 20mg 1lọ TMC 1 lần/ngày Biticans 40mg 1lọ TMC 1 lần/ngày</p> <p>➤ <b>NSAID</b> Mobic 15mg 1A TB x 2 lần/ngày Voltaren 75mg 1A TB x 2 lần/ngày</p> <p>➤ <b>Giảm đau</b> Paracetamol 1g 1chai TTM x 4 lần/ngày</p>	<p>➤ <b>Dịch truyền</b> Lactate Ringer 500ml Natricloride 0,9% 500ml Glucose 5% 500ml</p> <p>➤ <b>Kháng sinh</b> CEPHALOSPORIN Basultam 1g+1g 1lọ TMC x 2 lần/ngày Ceftazidime 2g 1lọ TMC x 2 lần/ngày Suprapime 1g 1lọ TMC x 2 lần/ngày FLUOROQUINOLON Ciprofloxacin 200mg1chai TTM x 2 lần/ngày Levofloxacin 750mg 1chai TTM 1 lần/ngày CARBAPENEM Tienam 0,5+0,5g 1lọ pha NaCl 0,9% TTM x 2 lần/ngày Invanz 1g 1lọ pha NaCl 0,9% TTM 1 lần/ngày Chống vi khuẩn kỵ khí Metronidazole 500mg1chai TTM x 2 lần/ngày</p> <p>➤ <b>PPI</b> Rabeloc 20mg1lọ TMC 1 lần/ngày Faditac 20mg 1lọ TMC 1 lần/ngày Biticans 40mg 1lọ TMC 1 lần/ngày</p> <p>➤ <b>NSAID</b> Mobic 15mg 1A TB x 2 lần/ngày Voltaren 75mg 1A TB x 2 lần/ngày</p> <p>➤ <b>Giảm đau</b> Paracetamol 1g 1chai TTM x 4 lần/ngày</p> <p>➤ <b>Cầm máu</b> Cammic 250mg 2A TMC x 2 lần/ngày</p>	<p>➤ <b>Dịch truyền</b> Lactate Ringer 500ml Natricloride 0,9% 500ml Glucose 5% 500ml</p> <p>➤ <b>Kháng sinh</b> CEPHALOSPORIN Basultam 1g+1g 1lọ TMC x 2 lần/ngày Ceftazidime 2g 1lọ TMC x 2 lần/ngày Suprapime 1g 1lọ TMC x 2 lần/ngày FLUOROQUINOLON Ciprofloxacin 200mg1chai TTM x 2 lần/ngày Levofloxacin 750mg 1chai TTM 1 lần/ngày CARBAPENEM Tienam 0,5+0,5g 1lọ pha NaCl 0,9% TTM x 2 lần/ngày Invanz 1g 1lọ pha NaCl 0,9% TTM 1 lần/ngày Chống vi khuẩn kỵ khí Metronidazole 500mg1chai TTM x 2 lần/ngày</p> <p>➤ <b>PPI</b> Rabeloc 20mg1lọ TMC 1 lần/ngày Faditac 20mg 1lọ TMC 1 lần/ngày Biticans 40mg 1lọ TMC 1 lần/ngày</p> <p>➤ <b>NSAID</b> Mobic 15mg 1A TB x 2 lần/ngày Voltaren 75mg 1A TB x 2 lần/ngày</p> <p>➤ <b>Giảm đau</b> Paracetamol 1g 1chai TTM x 4 lần/ngày</p> <p>➤ <b>Cầm máu</b> Cammic 250mg 2A TMC x 2 lần/ngày</p>